TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST Ngày 31-5-2024 V/v tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê M, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Số H đường M, tổ H, thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Trương Thị Như T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Số H đường M, tổ H, thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Ông M, bà T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà Trương Thị Như T tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm, đăng ký kết hôn vào năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn ông M, bà T sống tại nhà cha mẹ bà T ở xã T, huyện H đến năm 1997 thì vợ chồng về tổ H, thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận sinh sống cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông M và một người bạn là phụ nữ có nhắn tin nói chuyện qua lại đùa giỡn nhưng bà T không tin mà nghĩ hai người có mối quan hệ tình cảm, vì vậy bà T ghen tuông, đập điện thoại của ông. Từ

đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vả về vấn đề này. Ngoài ra, bà T đi đâu, làm gì đều không nói với ông M, không tôn trọng ông. Sống chung nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Ông M rất mệt mỏi và không còn muốn hàn gắn với bà T nữa.

Nay, ông M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông M làm đơn này yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị Như T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Thảo V, sinh ngày 02/12/1995 và Lê Trương Thảo H, sinh ngày 10/7/2008. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 01/4/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trương Thị Như T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Lê M tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng hơn 01 năm thì đăng ký kết hôn vào năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận).

Sau khi kết hôn, bà T, ông M sống tại nhà cha mẹ bà T ở xã T, huyện Hđến năm 1997 thì về tổ H, thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận sinh sống cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Chỉ có 01 lần cuối năm 2023, bà T thấy được tin nhắn của ông M với một người phụ nữ nên có hỏi thì ông M nói đó chỉ là bạn, sau đó 02 vợ chồng có cãi nhau, trong lúc tức giận bà T làm rơi điện thoại của ông M. Từ trước đến nay, bà T là người luôn chăm lo cho chồng con, luôn tôn trọng chồng của mình. Sau khi ông M nộp đơn ly hôn, bà T đã nhiều lần nói chuyện để ông M suy nghĩ lại và cho vợ chồng thêm thời gian để vun đắp tình cảm, để con út học xong phổ thông rồi quyết định, nhưng ông M vẫn kiên quyết muốn ly hôn vì lý do muốn sống 01 mình. Vợ chồng hiện nay vẫn sống chung nhà và vẫn quan tâm nhau.

Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Lê M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Thảo V, sinh ngày 02/12/1995 và Lê Trương Thảo H, sinh ngày 10/7/2008. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Vì không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 26/4/2024, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa ông Lê M và bà Trương Thị Như T tại địa phương và được cung cấp: Ông M và bà T là vợ chồng, sinh sống tại địa chỉ Số H đường M, tổ H, thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận hơn 20 năm nay. Từ trước đến nay, ông M, bà T không làm đơn yêu cầu địa phương hòa giải về mâu thuẫn hôn nhân. Tuy nhiên địa phương có ghi nhận thông tin ông M, bà T mâu thuẫn về vấn đề ghen tuông, mất niềm tin giữa vợ chồng do ông M có trò chuyện qua lại với một

người bạn trên mạng xã hội, sau đó con cái làm lớn chuyện nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 1995, ông M, bà T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận). Quá trình chung sống, vào cuối năm 2023 vợ chồng có mâu thuẫn vì bà T ghen tuông do ông M nói chuyện qua lại với 01 người bạn là phụ nữ trên mạng xã hội. Bà T có làm rơi hư điện thoại của ông M làm ông M tức giận và từ đó vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông M, bà T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông M; Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê M và bà Trương Thị Như T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, vào năm 1995 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận) và đã được cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 58/95, quyển số 01 ngày 27/02/1995, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[2] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của ông M, bà T, thực tế từ cuối năm 2023 đến nay, cuộc sống vợ chồng đã có mâu thuẫn, cãi nhau, không tin tưởng nhau vì lý do bà T ghen tuông việc ông M có liên lạc qua mạng xã hội với bạn là phụ nữ. Từ đó, vợ chồng không còn hạnh phúc, bản thân ông M cảm thấy mệt mỏi và không còn muốn hàn gắn với bà T nữa. Bà T trình bày, sau khi ông M nộp đơn ly hôn, bà T đã nhiều lần nói chuyện để ông M suy nghĩ lại và cho vợ chồng thêm thời gian để vun đắp tình cảm, để con út học xong phổ thông rồi quyết định, nhưng ông M vẫn kiên quyết muốn ly hôn vì lý do muốn sống 01 mình. Từ đó có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa ông M và bà T đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông M là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Thảo V, sinh ngày 02/12/1995 và Lê Trương Thảo H, sinh ngày 10/7/2008. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án không xem xét là có cơ sở.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của ông Lê M đối với bà Trương Thị Như T. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê M đối với bà Trương Thị Như T về việc ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê M được ly hôn với bà Trương Thị Như T.

1.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Thảo V, sinh ngày 02/12/1995 và Lê Trương Thảo H, sinh ngày 10/7/2008. Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004166 ngày 23/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Ông Lê M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung